

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;

- Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 600/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Tăng Thị T**, sinh năm 1988; cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Lê Minh N**, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Tăng Thị T trình bày: Sau thời gian tự tìm hiểu, chị và anh Lê Minh N tổ chức đám cưới vào năm 2009. Đến ngày 06-6-2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một đến hai năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên chơi cờ bạc, đánh đập chị, anh N đi làm nghề sửa cây cảnh có thu nhập cao nhưng không phụ giúp gì cho gia đình. Chị có nộp đơn ly hôn anh N một lần nhưng không nhớ rõ thời gian nào, sau đó anh N hứa thay đổi nên chị rút lại đơn. Tuy nhiên, khi tiếp tục chung sống thì anh N vẫn tiếp tục chơi cờ bạc, đánh đập chị và cũng không quan tâm gì đến vợ con nên vợ chồng không thể sống được nữa, chị và anh N ly thân từ tháng 4-2019 đến nay.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Tâm N1, sinh ngày 25-4-2012, hiện nay cháu N1 đang sống với gia đình cha mẹ chồng của chị, anh N đã bỏ đi không nuôi dưỡng cháu. Hàng tháng chị phải cấp dưỡng nuôi con cho cha mẹ chồng chị (ông bà nội của cháu) 5.000.000 đồng. Để đảm bảo cuộc sống của cháu, tránh làm xáo trộn tâm lý, việc học tập của con nên chị yêu cầu tiếp tục để cho phía gia đình anh N nuôi cháu N1.

- Về tài sản chung, nợ chung: Để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Lê Minh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị Tăng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh N, giao con chung cho phía anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng theo khả năng của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Tăng Thị T và anh Lê Minh N tranh chấp về ly hôn; anh N cư trú tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Lê Minh N không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Tăng Thị T và anh Lê Minh N là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 5*/2012, quyển số 1, ngày 0*-6-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên cờ bạc, không quan tâm gì đến vợ con lại còn hay đánh đập chị T nên từ đó vợ chồng hay cự cãi, cuộc sống không còn hạnh phúc. Từ tháng 4-2019 đến nay, do không thể sống chung được nữa nên chị và anh N đã ly thân với nhau, trong khoảng thời gian này anh N cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh N không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, cũng như để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh N đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng và tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Tại Điều 19

của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị T và anh N đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị T và anh N có 01 con chung là cháu Lê Tâm N1, sinh ngày 25-4-2012 hiện do ông bà nội cháu trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có ý kiến tiếp tục để cháu sống với gia đình anh N để tránh làm xáo trộn cuộc sống cũng như việc học tập của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho phía anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh N không có ý kiến gì về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N không có ý kiến gì về các vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tăng Thị T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Thị T. Cho chị Tăng Thị T được ly hôn với anh Lê Minh N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tâm N1, sinh ngày 25-4-2012 cho anh Lê Minh N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị Tăng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh N chưa yêu cầu.

Chị Tăng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Tăng Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 17*18 ngày 05-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị T đã thi hành xong án phí.

Chị Tăng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của anh Lê Minh N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã L, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực